CHÍNH PHỦ **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: 56/2025/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2025*

NGHỊ ĐỊNH

QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT ĐIỆN LỰC VỀ QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC, PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CẤP ĐIỆN, ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DỰ ÁN ĐIỆN LỰC VÀ ĐẤU THẦU LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ DỰ ÁN KINH DOANH ĐIỆN LỰC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 02 tháng 8 năm 2023;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023; Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023; Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023; Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024; Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp ngày 27 tháng 6 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 29 tháng 6 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực về quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện, đầu tư xây dựng dự án điện lực và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án kinh doanh điện lực.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành khoản 3 Điều 8, khoản 6 Điều 10, khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 12, khoản 4 Điều 12, khoản 4 Điều 13, khoản 2 Điều 14, khoản 5 Điều 17, khoản 1 Điều 19, khoản 3 Điều 19, khoản 1 Điều 81 Luật Điện lực.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến các hoạt động quy hoạch và đầu tư phát triển điện lực.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Bên mua điện là Tập đoàn Điện lực Việt Nam (hoặc đơn vị đại diện theo phân cấp, ủy quyền), Tổng công ty Điện lực miền Bắc, Tổng công ty Điện lực miền Trung, Tổng công ty Điện lực miền Nam, Tổng công ty Điện lực thành phố Hà Nội, Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh, các khách hàng sử dụng điện lớn, các đơn vị mua buôn điện khác theo quy định của thị trường điện.

2. Đơn vị phát điện/Bên bán điện là tổ chức, cá nhân theo quy định pháp luật Việt Nam sở hữu một hoặc nhiều nhà máy điện.

3. Dự án nhiệt điện khí là các dự án đầu tư nhà máy nhiệt điện khí sử dụng nhiên liệu là khí thiên nhiên khai thác trong nước hoặc khí thiên nhiên hóa lỏng.

4. Dự án nhiệt điện than là các dự án đầu tư nhà máy nhiệt điện sử dụng nhiên liệu chính là than khai thác trong nước, than nhập khẩu hoặc phối trộn giữa than khai thác trong nước và than nhập khẩu.

5. Bên mời quan tâm là cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Công Thương; cơ quan chuyên môn, cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là cấp tỉnh); cơ quan, đơn vị trực thuộc Ban Quản lý khu kinh tế (đối với dự án thực hiện tại khu kinh tế); Ủy ban nhân dân cấp huyện được giao thực hiện thủ tục mời quan tâm.

6. Cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đấu thầu là cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc cơ quan quyết định tổ chức đấu thầu

lựa chọn nhà đầu tư. Đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đấu thầu là cơ quan quyết định tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.

7. Cơ quan quyết định tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh điện lực gồm Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ban Quản lý khu kinh tế.

8. Khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) là sản phẩm hydrocacbon ở thể lỏng, có nguồn gốc từ khí thiên nhiên với thành phần chủ yếu là metan (công thức hóa học: CH4, tên tiếng Anh: Liquefied Natural Gas).

9. Tái hóa khí là hoạt động chuyển đổi LNG ở trạng thái lỏng sang trạng thái khí.

Chương II

QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC VÀ PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CẤP ĐIỆN

Điều 4. Quy mô công suất nguồn điện, cấp điện áp lưới điện thuộc quy hoạch phát triển điện lực và phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh

1. Quy mô công suất nguồn điện, cấp điện áp lưới điện thuộc quy hoạch phát triển điện lực được xác định như sau:

a) Tổng công suất lắp đặt các nguồn điện của hệ thống điện quốc gia theo cơ cấu từng loại hình nguồn điện, bao gồm cả hệ thống lưu trữ điện nhưng không bao gồm hệ thống lưu trữ điện kết hợp với nguồn điện năng lượng tái tạo; tổng công suất lắp đặt theo cơ cấu từng loại hình nguồn điện của từng địa phương;

b) Nguồn điện có quy mô công suất lắp đặt từ 50 MW trở lên và lưới điện đấu nối đồng bộ nguồn điện này;

c) Nguồn điện có quy mô công suất lắp đặt dưới 50 MW và lưới điện đấu nối đồng bộ nguồn điện này từ cấp điện áp 220 kV trở lên;

d) Lưới điện từ cấp điện áp 220 kV trở lên.

2. Quy mô công suất nguồn điện, cấp điện áp lưới điện thuộc phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh được xác định như sau:

a) Nguồn điện có quy mô công suất lắp đặt dưới 50 MW và lưới điện đấu nối đồng bộ nguồn điện này từ cấp điện áp 110 kV trở xuống;

b) Lưới điện cấp điện áp 110 kV;

c) Dự kiến tổng quy mô lưới điện trung áp;

d) Quy mô nguồn điện, lưới điện trên địa bàn tỉnh đã xác định trong quy hoạch phát triển điện lực.

Điều 5. Các trường hợp nguồn điện, lưới điện không thuộc quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh

1. Nguồn điện không tác động đến hệ thống điện quốc gia bao gồm:

a) Nguồn điện tại miền núi, biên giới, hải đảo chưa đấu nối, liên kết với hệ thống điện quốc gia;

b) Nguồn điện tự sản xuất, tự tiêu thụ từ nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới không đấu nối vào hệ thống điện quốc gia.

2. Nguồn điện tác động nhỏ đến hệ thống điện quốc gia bao gồm:

a) Nguồn điện có đấu nối hệ thống điện quốc gia và có lắp đặt hệ thống thiết bị chống phát ngược vào hệ thống điện quốc gia;

b) Nguồn điện tự sản xuất, tự tiêu thụ từ nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới đấu nối lưới điện ở cấp hạ áp;

c) Nguồn điện tự sản xuất, tự tiêu thụ từ nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới của hộ gia đình sử dụng nhà ở riêng lẻ, trụ sở cơ quan nhà nước và công trình công cộng;

d) Nguồn điện sử dụng nguồn nhiệt dư từ dây chuyền sản xuất sản phẩm cho nhu cầu tự sử dụng có đấu nối hoặc không đấu nối với lưới điện quốc gia và không bán điện lên hệ thống điện.

3. Nguồn điện không đấu nối, không bán điện vào hệ thống điện quốc gia, trừ trường hợp xuất khẩu, nhập khẩu điện.

4. Lưới điện hạ áp.

5. Cải tạo, nâng cấp dự án điện lực không làm tăng quy mô công suất hoặc cấp điện áp, không phát sinh nhu cầu sử dụng đất bao gồm:

a) Cải tạo, nâng cấp nhà máy điện, trạm biến áp không làm tăng quy mô công suất, không phát sinh nhu cầu sử dụng đất ngoài phạm vi nhà máy và các công trình hiện hữu;

b) Cải tạo, nâng cấp, hạ ngầm lưới điện không làm tăng cấp điện áp, không phát sinh nhu cầu sử dụng đất;

c) Di dời các công trình lưới điện để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng của dự án đầu tư khác ngoài lĩnh vực điện lực theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phát triển kinh tế - xã hội mà không thay đổi cấp điện áp hoặc quy mô công suất.

Chương III

CHUYỂN ĐỔI SỐ, QUẢN LÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU LĨNH VỰC ĐIỆN LỰC

Điều 6. Chuyển đổi số, hệ thống thông tin, dữ liệu lĩnh vực điện lực

1. Chuyển đổi số, hệ thống thông tin, dữ liệu lĩnh vực điện lực bao gồm hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu phù hợp nền tảng công nghệ số được xây dựng, tích hợp vào hệ thống thông tin năng lượng để phục vụ công tác quản lý nhà nước về hoạt động chỉ đạo điều hành phát triển điện lực nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm an ninh năng lượng; triển khai các giải pháp, cơ chế, chính sách về phát triển điện lực hiệu quả; các yêu cầu về chuyển đổi số ngành điện.

2. Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin là hệ thống trang thiết bị phục vụ cho việc sản xuất, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin số, bao gồm mạng Internet, mạng máy tính, thiết bị tính toán (máy chủ, máy trạm), thiết bị kết nối mạng, thiết bị an ninh an toàn, thiết bị ngoại vi và thiết bị phụ trợ.

3. Phần mềm ứng dụng phù hợp các tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước, đáp ứng yêu cầu về công tác chỉ đạo điều hành của nhà nước về phát triển điện lực và các cấp độ chia sẻ thông tin, an toàn thông tin; khuyến khích triển khai các công nghệ mới bao gồm trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuỗi khối, điện toán đám mây, công nghệ 5G.

4. Cơ sở dữ liệu của hệ thống thông tin, dữ liệu trong lĩnh vực điện lực bao gồm:

a) Đặc điểm kỹ thuật cơ sở hạ tầng của các nhà máy điện, đường dây điện và trạm điện;

b) Thông tin, số liệu sản xuất, kinh doanh điện;

c) Thông tin, số liệu cung cấp năng lượng sơ cấp để sản xuất điện;

d) Thông tin, số liệu sản xuất và chuyển đổi năng lượng để sản xuất điện;

đ) Thông tin giá điện bình quân theo kỳ, giá năng lượng bình quân theo kỳ phục vụ cho sản xuất điện;

e) Các thông tin khác theo chỉ tiêu thống kê năng lượng thuộc trách nhiệm công bố của Bộ Công Thương.

Điều 7. Chính sách của Nhà nước về hoạt động chuyển đổi số, hệ thống thông tin, dữ liệu lĩnh vực điện lực

1. Nhà nước bảo đảm nguồn lực cần thiết cho hoạt động chuyển đổi số, hệ thống thông tin, dữ liệu về lĩnh vực điện lực, cụ thể:

a) Bố trí kinh phí đầu tư để xây dựng hạ tầng, nâng cấp hệ thống thông tin đáp ứng yêu cầu quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu lĩnh vực điện lực và an toàn thông tin;

b) Bố trí kinh phí theo dự toán quản lý, vận hành, nâng cấp và duy trì các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và thực hiện các điều tra, thu thập, cập nhật cơ sở dữ liệu điện lực được cân đối từ nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước hàng năm theo phân cấp ngân sách (kinh phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên, không thực hiện chế độ tự chủ) của cơ quan nhà nước;

c) Bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ tuyên truyền, kỹ năng sử dụng thiết bị kỹ thuật, công nghệ, kỹ năng chuyển đổi số cho người tham gia thực hiện và vận hành.

2. Nhà nước bảo đảm nguồn nhân lực vận hành, kết nối, chia sẻ dữ liệu, như sau:

a) Nhân lực bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu được tận dụng từ nguồn nhân lực tại chỗ đang thực hiện quản lý, vận hành các hệ thống thông tin; thuê dịch vụ công nghệ thông tin và các nguồn khác theo quy định của pháp luật;

b) Cơ quan nhà nước cung cấp và sử dụng dữ liệu có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện về nhân lực phục vụ quản lý, kết nối, chia sẻ.

3. Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp do doanh nghiệp này nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ làm đại diện chủ sở hữu có ngành nghề hoạt động liên quan tự bố trí kinh phí theo các điểm a, b, c khoản 1 Điều này để vận hành và kết nối được hệ thống thông tin, dữ liệu lĩnh vực điện lực của Bộ Công Thương.

4. Các tổ chức, cá nhân có ngành nghề hoạt động liên quan tự bố trí kinh phí theo các điểm a, b, c khoản 1 Điều này để vận hành và kết nối được hệ thống thông tin, dữ liệu lĩnh vực điện lực cấp tỉnh, được hưởng các chính sách theo quy định pháp luật.

Điều 8. Tổ chức thực hiện và hoạt động quản lý chuyển đổi số, hệ thống thông tin, dữ liệu lĩnh vực điện lực

1. Bộ Công Thương xây dựng hạ tầng và vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu lĩnh vực điện lực cấp trung ương; thực hiện các hoạt động quản trị dữ liệu, quản trị chia sẻ, khai thác dữ liệu lĩnh vực điện lực; tổ chức điều tra, thu thập, tổng hợp và cập nhật dữ liệu thông tin điện lực; hướng dẫn các cơ quan, tổ chức liên quan cung cấp dữ liệu, danh mục dữ liệu để cơ quan nhà nước khai thác, sử dụng; quản lý sử dụng và cung cấp dữ liệu theo cấp độ chia sẻ dữ liệu.

2. Bộ Tài chính thực hiện theo phạm vi nhiệm vụ, trách nhiệm được giao và cân đối, bố trí kinh phí để thực hiện hoạt động chuyển đổi số, hệ thống thông tin, dữ liệu về lĩnh vực điện lực theo khoản 1 Điều 7 Nghị định này.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện và chỉ đạo các đơn vị chuyên môn tổ chức thực hiện điều tra, thu thập cơ sở dữ liệu điện lực của ngành, lĩnh vực và thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực điện lực thuộc phạm vi quản lý gửi Bộ Công Thương theo định kỳ, năm để tổng hợp; bảo đảm các hoạt động kết nối, chia sẻ dữ liệu.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh bố trí kinh phí nguồn vốn bảo đảm theo khoản 1 Điều 7 Nghị định này; chỉ đạo Sở Công Thương thực hiện xây dựng hạ tầng, vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu lĩnh vực điện lực cấp tỉnh phù hợp với phát triển điện lực tại địa phương và kết nối vào hệ thống thông tin, dữ liệu điện lực của Bộ Công Thương; thực hiện báo cáo gửi Bộ Công Thương theo định kỳ, năm để tổng hợp.

5. Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp do doanh nghiệp này nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ làm đại diện chủ sở hữu có ngành nghề hoạt động liên quan thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ, năm về Bộ Công Thương; các tổ chức, cá nhân có ngành nghề hoạt động liên quan thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ, năm về Sở Công Thương.

Chương IV

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DỰ ÁN ĐIỆN LỰC

Điều 9. Quy định chung

1. Việc đầu tư xây dựng dự án điện lực được thực hiện theo quy định pháp luật về quy hoạch, đầu tư, xây dựng, bảo vệ môi trường, điện lực và quy định pháp luật liên quan khác.

2. Ưu tiên phát triển hạ tầng kho cảng nhập khí thiên nhiên hóa lỏng theo mô hình kho cảng LNG trung tâm, quy mô công suất lớn và hệ thống đường ống cung cấp khí LNG tái hóa từ kho cảng LNG trung tâm đến các nhà máy nhiệt điện nhằm tối ưu hóa hạ tầng dùng chung.

Điều 10. Các mốc tiến độ thực hiện mục tiêu từng giai đoạn của dự án đầu tư xây dựng nguồn điện

1. Các mốc tiến độ thực hiện mục tiêu từng giai đoạn của dự án đầu tư xây dựng nguồn điện theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Điện lực bao gồm các mốc tiến độ theo quy định của pháp luật về đầu tư và các mốc tiến độ sau đây:

a) Quyết định đầu tư dự án;

b) Khởi công công trình chính của dự án;

c) Đưa dự án vào vận hành.

2. Các mốc tiến độ tại khoản 1 Điều này phải được quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của dự án đầu tư xây dựng nguồn điện.

Điều 11. Tiêu chí xác định dự án điện lực thuộc danh mục ưu tiên đầu tư của Nhà nước

Dự án điện lực do doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp do doanh nghiệp này nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện đầu tư thuộc danh mục ưu tiên đầu tư của Nhà nước theo các tiêu chí như sau:

1. Đầu tư dự án điện lực để bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, giải quyết các vấn đề bức thiết về bảo đảm an ninh cung cấp điện bao gồm:

a) Dự án, công trình điện lực khẩn cấp;

b) Dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên của ngành điện theo quy hoạch phát triển điện lực;

c) Dự án điện lực do Nhà nước độc quyền đầu tư xây dựng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 của Luật Điện lực;

d) Dự án điện lực phục vụ quốc phòng, an ninh theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Dự án lưới điện thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của Luật Đất đai.

3. Dự án điện lực cung cấp điện vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

4. Dự án điện năng lượng mới, năng lượng tái tạo thúc đẩy quá trình chuyển dịch năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính phù hợp với các mục tiêu, cam kết của quốc gia.

Điều 12. Hồ sơ, trình tự, thủ tục lập, thẩm định đề nghị chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư lưới điện có cấp điện áp từ 220 kV trở xuống đi qua địa giới hành chính từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư

1.Hồ sơ, trình tự, thủ tục lập, thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định pháp luật về đầu tư và khoản 2 Điều 13 của Luật Điện lực; cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư được xác định theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 của Luật Điện lực.

2. Việc lấy ý kiến và trả lời ý kiến trong quá trình thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định tại các điểm d và đ khoản 2 Điều 13 của Luật Điện lực chỉ bao gồm các nội dung liên quan đến quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, hướng tuyến đường dây trong phạm vi địa giới hành chính của tỉnh được lấy ý kiến.

3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư thực hiện theo pháp luật về đầu tư. Trường hợp nếu có nội dung điều chỉnh thuộc phạm vi địa giới hành chính của các tỉnh nơi có tuyến đường dây đi qua, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền điều chỉnh chủ trương đầu tư lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đó theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 13. Trình tự, thủ tục phê duyệt, điều chỉnh danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp

Căn cứ phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh, nhu cầu đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp, đơn vị điện lực hoặc nhà đầu tư đề xuất Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt danh mục theo quy định tại khoản 3 Điều 13 của Luật Điện lực thực hiện như sau:

1. Hồ sơ đề nghị phê duyệt danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Tài liệu về tư cách pháp lý của đơn vị điện lực, nhà đầu tư, bao gồm: thẻ Căn cước, thẻ Căn cước công dân, hộ chiếu còn hiệu lực, các giấy tờ chứng thực cá nhân khác đối với cá nhân; thông tin mã số doanh nghiệp đối với tổ chức;

c) Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của đơn vị điện lực, nhà đầu tư gồm một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của đơn vị điện lực, nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư.

2. Nội dung thẩm định đề nghị phê duyệt danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp bao gồm:

a) Đánh giá sự phù hợp danh mục đầu tư dự án với dự kiến khối lượng trung áp trong phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh;

b) Đánh giá sự cần thiết đầu tư, mục tiêu đầu tư.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Công Thương có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu đơn vị điện lực, nhà đầu tư sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Sở Công Thương lập báo cáo thẩm định gồm các nội dung thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều này, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trả lời đơn vị điện lực, nhà đầu tư bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này nộp 01 bộ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc gửi qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

6. Trong quá trình thực hiện các dự án đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp theo danh mục được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, khi có nhu cầu bổ sung, thay thế hoặc loại bỏ dự án trong danh mục, đơn vị điện lực, nhà đầu tư thực hiện việc điều chỉnh danh mục dự án như sau:

a) Hồ sơ đề nghị điều chỉnh danh mục dự án bao gồm: Tờ trình đề nghị điều chỉnh danh mục dự án đầu tư theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và thông tin tình hình triển khai dự án thuộc danh mục; tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh (nếu có);

b) Trình tự, thủ tục phê duyệt điều chỉnh danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này.

Điều 14. Nguyên tắc, tiêu chí xác định dự án, công trình điện lực khẩn cấp

1. Dự án, công trình điện lực khẩn cấp phải bảo đảm các nguyên tắc như sau:

a) Thuộc danh mục dự án điện lực trong quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh hoặc kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực, kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh trong đó có nội dung phương án phát triển mạng lưới cấp điện. Trường hợp dự án chưa có trong quy hoạch hoặc kế hoạch thì phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch hoặc điều chỉnh kế hoạch theo quy định pháp luật về quy hoạch;

b) Chưa xác định chủ đầu tư và cần rút ngắn thời gian đầu tư xây dựng so với trình tự thủ tục đầu tư xây dựng thông thường để bảo đảm kịp thời đáp ứng yêu cầu giải quyết các vấn đề bức thiết về bảo đảm an ninh cung cấp điện.

2. Dự án, công trình xây dựng nguồn điện và lưới điện đấu nối đồng bộ khẩn cấp thuộc một trong các tiêu chí như sau:

a) Dự án, công trình xây dựng nguồn điện và lưới điện đấu nối đồng bộ cần đầu tư xây dựng để thay thế một hoặc nhiều dự án chậm tiến độ so với tiến độ theo văn bản chấp thuận hoặc điều chỉnh chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền, dừng thực hiện đầu tư, chấm dứt hoạt động đầu tư hoặc do phụ tải tăng đột biến gây nguy cơ thiếu điện, không bảo đảm an ninh cung cấp điện trong thời kỳ quy hoạch;

b) Dự án, công trình xây dựng nguồn điện và lưới điện đấu nối đồng bộ bị chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo quy định pháp luật về đầu tư và được cấp có thẩm quyền giao lại cho doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp do doanh nghiệp này nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện đầu tư xây dựng, cần rút ngắn thời gian thực hiện để bảo đảm an ninh cung cấp điện trong thời kỳ quy hoạch do các nguyên nhân quy định tại điểm a khoản này.

3. Dự án, công trình xây dựng lưới điện khẩn cấp có vai trò quan trọng trong việc truyền tải công suất nguồn điện giữa các khu vực để chống quá tải của lưới điện thuộc một trong các tiêu chí như sau:

a) Dự án, công trình cần đầu tư xây dựng đế thay thế một hoặc nhiều dự án chậm tiến độ so với tiến độ theo văn bản chấp thuận hoặc điều chỉnh chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền, có nguy cơ gây thiếu điện, phải tiết giảm phụ tải, giảm phát công suất của hệ thống điện được dự báo cho 02 năm tới tính từ thời điểm đề xuất và được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án khẩn cấp;

b) Dự án, công trình cần hoàn thành trong thời gian gấp để kịp thời đáp ứng nhu cầu phụ tải tăng đột biến và thời gian thực hiện dự án tính từ thời điểm được cấp có thẩm quyền phê duyệt là dự

án điện lực khẩn cấp đến thời điểm đưa vào vận hành dưới 24 tháng đối với các dự án, công trình lưới điện có cấp điện áp 500 kV; dưới 18 tháng đối với các dự án, công trình lưới điện có cấp điện áp 220 kV;

c) Các dự án, công trình xuất tuyến 110 kV phục vụ khai thác đồng bộ trạm biến áp 220 kV, 500 kV khẩn cấp;

d) Dự án, công trình lưới điện liên kết khu vực từ cấp điện áp 110 kV trở lên được Đơn vị vận hành hệ thống điện tính toán lưới điện khu vực không bảo đảm vận hành an toàn được dự báo cho 02 năm tới tính từ thời điểm đề xuất và được cấp có thẩm quyền phê duyệt là dự án điện lực khẩn cấp.

4. Dự án, công trình lưới điện khẩn cấp theo yêu cầu cấp bách bảo đảm quốc phòng, an ninh hoặc yêu cầu cấp bách cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương đáp ứng một trong các tiêu chí như sau:

a) Dự án, công trình điện lực thực hiện theo yêu cầu cấp bách bảo đảm quốc phòng, an ninh;

b) Dự án, công trình cần hoàn thành trong thời gian gấp để kịp thời đáp ứng nhu cầu phụ tải tăng đột biến theo yêu cầu cấp bách cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và thời gian thực hiện dự án, công trình tính từ thời điểm được cấp có thẩm quyền phê duyệt là dự án khẩn cấp đến thời điểm đưa vào vận hành dưới 18 tháng đối với các dự án, công trình lưới điện có cấp điện áp 110 kV.

5. Trên cơ sở báo cáo về hoạt động quy hoạch, báo cáo đánh giá thực hiện quy hoạch định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của pháp luật về quy hoạch hoặc báo cáo tình hình vận hành hệ thống điện, các nguyên tắc, tiêu chí xác định dự án, công trình điện lực khẩn cấp quy định tại Điều này, Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề xuất các dự án, công trình điện lực khẩn cấp theo phân cấp quy mô công suất quy định tại Điều 4 Nghị định này trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định.

Điều 15. Nguyên tắc chuyển ngang giá nhiên liệu sang giá điện; sản lượng điện hợp đồng tối thiểu dài hạn cho các dự án nhiệt điện khí

1. Theo từng cấp độ phát triển của thị trường điện cạnh tranh, các dự án nhà máy nhiệt điện khí được áp dụng cơ chế, chính sách phát triển phù hợp nhằm bảo đảm an ninh năng lượng, bảo đảm hài hòa lợi ích tổng thể của quốc gia, lợi ích giữa bên mua điện và bên bán điện.

2. Nguyên tắc chuyển ngang giá nhiên liệu sang giá điện:

a) Giá nhiên liệu trong tính toán giá điện tại hợp đồng mua bán điện ký giữa Bên bán điện và Bên mua điện được xác định bằng giá nhiên liệu cung cấp tại nhà máy điện. Trường hợp Bên bán điện ký nhiều hợp đồng mua bán nhiên liệu, giá nhiên liệu được xác định bằng bình quân gia quyền theo khối lượng của các hóa đơn của các hợp đồng mua bán nhiên liệu;

b) Đối với dự án nhà máy điện có hạ tầng kho cảng, đường ống khí để nhập khẩu và sử dụng trực tiếp LNG, Bên bán điện được phép thu hồi chi phí hợp lý, hợp lệ khi thực hiện đầu tư các hạng mục hạ tầng kho cảng, đường ống khí thông qua giá hợp đồng mua bán điện do Bên bán điện thỏa thuận với Bên mua điện, bảo đảm nguyên tắc không tính trùng chi phí đầu tư hạ tầng kho cảng, đường ống khí trong giá nhiên liệu cung cấp tại nhà máy điện;

c) Đối với dự án nhà máy điện dùng chung hạ tầng kho cảng, đường ống khí để mua và sử dụng LNG sau tái hóa:

Giá nhiên liệu cung cấp tại nhà máy điện được tính toán trên cơ sở giá LNG nhập khẩu đến cảng phía Việt Nam và giá dịch vụ tồn trữ, tái hoá, vận chuyển và phân phối LNG;

Bộ Công Thương định giá dịch vụ tồn trữ, tái hoá, vận chuyển và phân phối LNG.

3. Nguyên tắc xác định sản lượng điện hợp đồng tối thiểu dài hạn:

Các dự án nhiệt điện khí trực tiếp tham gia thị trường điện cạnh tranh các cấp độ và phải được Bên bán điện và Bên mua điện thỏa thuận, thống nhất trong hợp đồng mua bán điện về sản lượng điện hợp đồng tối thiểu dài hạn trên cơ sở các nguyên tắc sau:

a) Đối với các dự án nhiệt điện khí sử dụng khí thiên nhiên trong nước, sản lượng điện hợp đồng tối thiểu dài hạn được xác định ở mức tối đa theo khả năng cấp khí, đáp ứng các yêu cầu ràng buộc về nhiên liệu và công suất, sản lượng phát điện khả dụng của dự án nhiệt điện khí;

b) Đối với các dự án nhiệt điện khí sử dụng LNG nhập khẩu:

Sản lượng điện hợp đồng tối thiểu dài hạn không thấp hơn mức 65% sản lượng điện phát bình quân nhiều năm của dự án nhiệt điện khí. Sản lượng điện hợp đồng tối thiểu dài hạn được áp dụng trong thời hạn trả nợ gốc và lãi vay nhưng không quá 10 năm kể từ ngày đưa dự án vào vận hành phát điện;

Sau thời gian áp dụng sản lượng điện hợp đồng tối thiểu dài hạn, sản lượng điện hợp đồng hoặc tỷ lệ điện năng thanh toán theo giá hợp đồng cho các năm còn lại được Bên bán điện và Bên mua điện thống nhất trong quá trình đàm phán, thỏa thuận hợp đồng mua bán điện theo các quy định có liên quan;

Sản lượng điện phát bình quân nhiều năm được xác định theo Quy định phương pháp xác định giá dịch vụ phát điện; nguyên tắc tính giá điện để thực hiện dự án điện lực; nội dung chính của hợp đồng mua bán điện do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành và quy định trong hợp đồng mua bán điện.

4. Quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này được áp dụng như sau:

a) Đối với các dự án nhiệt điện khí sử dụng LNG nhập khẩu có ngày vận hành phát điện trước ngày 01 tháng 01 năm 2031 sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra văn bản thông báo chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành công trình của chủ đầu tư;

b) Đối với các dự án nhiệt điện khí sử dụng khí thiên nhiên trong nước có ngày vận hành phát điện trước ngày 01 tháng 01 năm 2036 sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra văn bản thông báo chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành công trình của chủ đầu tư.

5. Trách nhiệm của Bên mua điện và Bên bán điện:

a) Đàm phán, thỏa thuận thống nhất sản lượng điện hợp đồng tối thiểu dài hạn và thời gian áp dụng trong hợp đồng mua bán điện tuân thủ các quy định tại Điều này và quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Bên bán điện có trách nhiệm cung cấp cho Bên mua điện đầy đủ các số liệu, thông số kỹ thuật, thông số kinh tế - tài chính và các thông tin cần thiết khác của dự án nhiệt điện khí để làm cơ sở đàm phán hợp đồng mua bán điện; bảo đảm tính chính xác, tin cậy.

6. Trách nhiệm của Đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia và Đơn vị điều hành giao dịch thị trường điện:

a) Lập kế hoạch vận hành, điều hành giao dịch thị trường điện cạnh tranh bảo đảm tuân thủ các quy định tại Điều này và quy định của pháp luật về vận hành thị trường điện cạnh tranh các cấp độ và vận hành, điều độ hệ thống điện do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành;

b) Phối hợp chặt chẽ với Bên mua điện và Bên bán điện để bảo đảm vận hành, điều độ, huy động các nhà máy điện sử dụng khí thiên nhiên khai thác trong nước và LNG nhập khẩu tuân thủ quy định của pháp luật về vận hành thị trường điện cạnh tranh các cấp độ và vận hành, điều độ hệ thống điện do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành.

7. Các dự án nhà máy nhiệt điện khí đầu tư, phát triển theo phương thức đối tác công tư áp dụng loại hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT) được lựa chọn áp dụng các quy định tại Điều này, các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 16. Hỗ trợ đầu tư sau công tơ cấp điện sinh hoạt cho hộ gia đình ở vùng nông thôn, đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

1. Hỗ trợ cấp điện mục đích sử dụng sinh hoạt sau công tơ điện cho các hộ gia đình (bao gồm dây dẫn điện, bảng điện chính, aptomat, công tắc, ổ cắm, bóng điện và vật tư, vật liệu phụ khác) theo các đối tượng ở vùng nông thôn, đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, hộ gia đình có nhà ở bị thiệt hại do thiên tai, cháy, nổ, phải xây dựng nhà mới.

2. Hỗ trợ đầu tư đường dây dẫn điện từ sau công tơ đến bảng điện chính của cấp điện sinh hoạt cho các hộ gia đình theo các đối tượng ở vùng nông thôn, đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, hộ gia đình có nhà ở bị thiệt hại do thiên tai, cháy, nổ, nhưng không phải xây dựng nhà mới.

3. Hình thức hỗ trợ của Nhà nước tại khoản 1, khoản 2 Điều này thực hiện theo các Chương trình, dự án, công trình đầu tư cấp điện từ nguồn lực đầu tư của nhà nước.

Chương V

ĐẤU THẦU LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC

Điều 17. Dự án đầu tư kinh doanh điện lực thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư

1. Dự án đầu tư kinh doanh điện lực thuộc khoản 1 Điều 19 của Luật Điện lực nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 hoặc Quy hoạch các tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải tổ chức đấu thầu khi có từ 02 nhà đầu tư trở lên quan tâm, bao gồm:

a) Dự án nhiệt điện khí, nhiệt điện than;

b) Dự án điện năng lượng tái tạo gồm: điện mặt trời, điện gió, thuỷ điện, điện sinh khối.

2. Hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư các dự án đầu tư kinh doanh điện lực thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và Nghị định này.

Điều 18. Yêu cầu đặc thù trong hồ sơ mời thầu dự án đầu tư kinh doanh điện lực

1. Đối với các dự án thuộc quy hoạch hoặc kế hoạch thực hiện quy hoạch, phương án phát triển mạng lưới điện trong quy hoạch tỉnh, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (hoặc đơn vị đại diện theo phân cấp, ủy quyền), Tổng công ty Điện lực miền Bắc, Tổng công ty Điện lực miền Trung, Tổng công ty Điện lực miền Nam, Tổng công ty Điện lực Thành phố Hà Nội, Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm mua điện theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc cơ quan quyết định tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.

2. Cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc cơ quan quyết định tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư có trách nhiệm xác định Bên mua điện theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ ký kết hợp đồng mua bán điện với nhà đầu tư.

3. Hồ sơ mời thầu dự án đầu tư kinh doanh điện lực bao gồm:

a) Thông tin về Bên mua điện theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Các tài liệu được lập theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

c) Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi của dự án;

d) Dự thảo hợp đồng mua bán điện do Bên mua điện đề xuất và được thống nhất với cơ quan quyết định tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư;

đ) Yêu cầu về tỷ lệ nội địa hóa đối với những hạng mục thiết bị và dịch vụ tư vấn quan trọng để duy trì cung cấp điện liên tục, bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia theo quy định của pháp luật về điện lực;

e) Các cơ chế bảo đảm đầu tư theo quy định tại Điều 15 của Nghị định này.

4. Trách nhiệm chi trả kinh phí khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi:

a) Nhà đầu tư chi trả trong trường hợp nhà đầu tư tự đề xuất dự án;

b) Cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đấu thầu, cơ quan quyết định tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư sử dụng nguồn chi thường xuyên để chi trả, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này;

c) Nhà đầu tư được lựa chọn chịu trách nhiệm hoàn trả chi phí quy định tại điểm b khoản này;

d) Trường hợp chi phí đã chi trả theo quy định tại điểm a khoản này nhưng dự án không được chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc không lựa chọn được nhà đầu tư trúng thầu thì nhà đầu tư đề xuất dự án chịu mọi chi phí, rủi ro;

đ) Trường hợp chi phí đã chi trả theo quy định tại điểm b khoản này nhưng dự án không lựa chọn được nhà đầu tư trúng thầu hoặc bị dừng triển khai theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền thì chi phí này được quyết toán vào chi phí hợp lý của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đấu thầu, cơ quan quyết định tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.

Điều 19. Tiêu chuẩn đánh giá về hiệu quả phát triển ngành điện

1. Đối với dự án đầu tư kinh doanh điện lực có khung giá do Bộ Công Thương ban hành, tiêu chuẩn đánh giá về hiệu quả phát triển ngành điện là giá điện, thực hiện như sau:

a) Mức trần giá điện trong hồ sơ mời thầu là mức giá tối đa của khung giá phát điện tương ứng loại hình nguồn điện do Bộ Công Thương ban hành tại năm đấu thầu;

b) Nhà đầu tư đề xuất giá điện trong hồ sơ dự thầu không cao hơn mức trần giá điện được quy định tại hồ sơ mời thầu;

c) Giá điện trúng thầu là giá điện tối đa để Bên mua điện đàm phán giá hợp đồng mua bán điện với nhà đầu tư trúng thầu.

2. Đối với dự án đầu tư kinh doanh điện lực không có khung giá do Bộ Công Thương ban hành, thực hiện như sau:

a) Tiêu chuẩn đánh giá về hiệu quả phát triển ngành điện là giá trị tối thiểu bằng tiền nộp ngân sách nhà nước hằng năm. Nhà đầu tư đề xuất giá trị này trong hồ sơ dự thầu không thấp hơn mức tối thiểu quy định tại hồ sơ mời thầu;

b) Giá trị quy định tại điểm a khoản này độc lập với nghĩa vụ của nhà đầu tư đối với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

c) Việc nộp vào ngân sách nhà nước giá trị quy định tại điểm a khoản này được thực hiện như sau: giá trị nộp ngân sách nhà nước hằng năm được xác định căn cứ giá trị do nhà đầu tư đề xuất tại hồ sơ dự thầu; hình thức, tiến độ và thời hạn nộp giá trị quy định tại điểm a khoản này được quy định cụ thể tại hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh.

Điều 20. Đàm phán, giao kết hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh, hợp đồng mua bán điện

Việc đàm phán, giao kết hợp đồng mua bán điện với nhà đầu tư trúng thầu thực hiện như sau:

1. Thời gian tối đa để nhà đầu tư trúng thầu phải phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng dự án điện lực kể từ ngày ký hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh được quy định như sau:

a) Đối với dự án thủy điện, nhiệt điện khí, nhiệt điện than và điện gió, thời gian tối đa là 15 tháng;

b) Đối với dự án điện sinh khối, điện mặt trời, thời gian tối đa là 06 tháng.

2. Trên cơ sở kết quả đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án đầu tư kinh doanh điện lực và Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án đầu tư kinh doanh điện lực được phê duyệt, Bên mua điện và nhà đầu tư trúng thầu có trách nhiệm và nghĩa vụ đàm phán, giao kết hợp đồng mua bán điện. Thời gian tối đa để thực hiện đàm phán, giao kết hợp đồng mua bán điện kể từ ngày nhà đầu tư nộp hồ sơ hợp lệ đến Bên mua điện là 03 tháng.

3. Bên mua điện và nhà đầu tư trúng thầu chịu trách nhiệm về thời gian đàm phán, giao kết hợp đồng mua bán điện để bảo đảm tiến độ thực hiện dự án theo quy hoạch phát triển điện lực, quy hoạch tỉnh và an ninh cung cấp điện.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Trách nhiệm thực hiện

1. Bộ Công Thương có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan thực hiện:

a) Hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức, cá nhân thực hiện Nghị định này;

b) Định kỳ hằng năm tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Nghị định này và báo cáo Chính phủ xem xét, sửa đổi phù hợp với thực tiễn.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Tổ chức triển khai thực hiện, kiểm tra, giám sát thi hành Nghị định này, thực hiện công tác quản lý nhà nước về phát triển nguồn điện, lưới điện tại địa phương;

b) Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra việc tuân thủ các quy định về quy hoạch, đầu tư xây dựng và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư kinh doanh điện lực đối với các dự án điện lực theo quy định tại Nghị định này.

Điều 22. Sửa đổi và bãi bỏ một số điều của Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất

1. Sửa đổi khoản 1 Điều 14:

“1. Bên mời thầu giao tổ chuyên gia lập hồ sơ mời thầu gồm những nội dung quy định tại Điều 48 của Luật Đấu thầu để nhà đầu tư lập hồ sơ dự thầu. Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình năng lượng, hồ sơ mời thầu bao gồm cả dự thảo hợp đồng mua bán điện do Bên mua điện đề xuất và được thống nhất với cơ quan quyết định tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật về điện lực.”.

2. Sửa đổi điểm d khoản 2 Điều 19:

“d) Giá trị do nhà đầu tư đề xuất về hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương trong đơn dự thầu gồm một trong các thông tin sau: giá trị bằng tiền nộp ngân sách nhà nước; tỷ lệ doanh thu nhà đầu tư đề xuất nộp ngân sách nhà nước; giá hàng hóa, dịch vụ; số lượng công trình công cộng không có mục đích kinh doanh; giá trị của hoạt động trợ giúp xã hội hoặc hoạt động phúc lợi xã hội khác dành cho đối tượng bảo trợ xã hội được xác định theo giá trị bằng tiền hoặc số lượng người được hỗ trợ; loại, mức độ độc hại và tổng lượng chất ô nhiễm thải vào môi trường; diện tích sử dụng đất, hệ số sử dụng đất; mức nộp ngân sách nhà nước và tỷ lệ tăng thêm nhà đầu tư đề xuất thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình dịch vụ hàng không; giá trị bằng tiền nộp ngân sách nhà nước hằng năm, giá điện đối với dự án đầu tư xây dựng công trình năng lượng; thời gian bàn giao nhà ở phục vụ tái định cư đối với dự án đầu tư cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư (đối với trường hợp áp dụng tiêu chuẩn đánh giá về hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương);”.

3. Sửa đổi khoản 2 Điều 49:

“2. Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình năng lượng, tiêu chuẩn đánh giá về hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương thực hiện theo quy định của pháp luật về điện lực.”.

4. Bãi bỏ Điều 70.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 7 mục II thuộc Phụ lục III:

“a) Giá trị do nhà đầu tư đề xuất gồm một trong các thông tin sau: giá trị bằng tiền nộp ngân sách nhà nước; tỷ lệ doanh thu nhà đầu tư đề xuất nộp ngân sách nhà nước; giá hàng hóa, dịch vụ; số lượng công trình công cộng không có mục đích kinh doanh; giá trị của hoạt động trợ giúp xã hội

hoặc hoạt động phúc lợi xã hội khác dành cho đối tượng bảo trợ xã hội được xác định theo giá trị bằng tiền hoặc số lượng người được hỗ trợ; loại, mức độ độc hại và tổng lượng chất ô nhiễm thải vào môi trường; diện tích sử dụng đất, hệ số sử dụng đất; mức nộp ngân sách nhà nước và tỷ lệ tăng thêm nhà đầu tư đề xuất thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình dịch vụ hàng không; giá trị bằng tiền nộp ngân sách nhà nước hằng năm, giá điện đối với dự án đầu tư xây dựng công trình năng lượng; thời gian bàn giao nhà ở phục vụ tái định cư đối với dự án đầu tư cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư;".

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 24. Quy định chuyển tiếp

1. Các dự án điện lực đã có trong quy hoạch phát triển điện lực, kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực nhưng có quy mô công suất thuộc phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh theo quy định tại Điều 4 của Nghị định này thì tiếp tục được thực hiện theo quyết định đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các dự án này được cập nhật vào quy hoạch tỉnh hoặc kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh khi lập, điều chỉnh quy hoạch tỉnh sau khi Nghị định này có hiệu lực thi hành.

2. Các dự án lưới điện trung áp, hạ áp đã được cơ quan đăng ký đầu tư tiếp nhận hồ sơ hợp lệ đề nghị chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư.

3. Đối với các dự án đầu tư kinh doanh điện lực đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện như sau:

a) Trường hợp đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà chưa phát hành hồ sơ mời thầu thì phải lập hồ sơ mời thầu theo quy định tại Nghị định này;

b) Trường hợp đã phát hành hồ sơ mời thầu theo quy định tại Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn nhưng đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà chưa phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thì thực hiện như sau: nếu đã nhận được hồ sơ dự thầu thì tiếp tục đánh giá hồ sơ dự thầu trên cơ sở hồ sơ mời thầu đã phát hành; nếu chưa nhận được hồ sơ dự thầu thì cơ quan quyết định tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư được gia hạn thời điểm đóng thầu và chỉnh sửa hồ sơ mời thầu theo quy định của Nghị định này.

Điều 25.Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Bùi Thanh Sơn

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2b).

PHỤ LỤC

(Kèm theo Nghị định số 56/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Tờ trình đề nghị phê duyệt danh mục (hoặc phê duyệt điều chỉnh danh mục) đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp
Mẫu số 02	Quyết định phê duyệt danh mục (hoặc phê duyệt điều chỉnh danh mục) đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp

Mẫu số 01: Tờ trình đề nghị phê duyệt danh mục (hoặc phê duyệt điều chỉnh danh mục) đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:……..

……, ngày……tháng……năm……

TỜ TRÌNH

Phê duyệt danh mục (hoặc phê duyệt điều chỉnh danh mục) đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh...

Căn cứ Luật Điện lực số 61/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số……/2025/NĐ-CP ngày... tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện, đầu tư xây dựng dự án điện lực và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án kinh doanh điện lực;

(Tên Đơn vị điện lực/Nhà đầu tư) trình Sở Công Thương tỉnh .... thẩm định đề nghị phê duyệt danh mục (hoặc điều chỉnh danh mục) đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp.

I. THÔNG TIN DANH MỤC DỰ ÁN

1. Danh mục dự án bao gồm các thông tin: tên dự án, quy mô dự kiến (công suất, cấp điện áp, chiều dài,...), dự kiến (vốn đầu tư, nguồn vốn, tiến độ, khu vực cấp điện, nhu cầu sử dụng đất) theo phụ lục đính kèm.

2. Tên đơn vị điện lực/nhà đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ):……..

3. Sự cần thiết đầu tư, mục tiêu đầu tư; sự phù hợp với phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh.

Trường hợp tờ trình phê duyệt điều chỉnh danh mục: bổ sung thông tin tình hình triển khai dự án thuộc danh mục, tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh (nếu có).

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM

1. Tài liệu về tư cách pháp lý của đơn vị điện lực, nhà đầu tư, bao gồm:

Thẻ Căn cước, thẻ Căn cước công dân, hộ chiếu còn hiệu lực, các giấy tờ chứng thực cá nhân khác đối với cá nhân; thông tin mã số doanh nghiệp đối với tổ chức.

2. Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của đơn vị điện lực, nhà đầu tư gồm một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của đơn vị điện lực, nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư.

(Tên Đơn vị điện lực/Nhà đầu tư) trình Sở Công Thương thẩm định danh mục (hoặc điều chỉnh danh mục) đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp theo các nội dung nêu trên.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:….

Phụ lục

DANH MỤC (HOẶC ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC) ĐẦU TƯ LƯỚI ĐIỆN TRUNG ÁP, HẠ ÁP

TT	Tên dự án	Quy mô dự kiến	Sơ bộ vốn đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Dự kiến tiến độ	Dự kiến khu vực cấp điện	Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (ha)
1							
2							

Mẫu số 02: Quyết định phê duyệt danh mục (hoặc phê duyệt điều chỉnh danh mục) đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp trên địa bàn tỉnh ....

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH …

Số:……/QĐ-…..

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày……tháng……năm……

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục (hoặc phê duyệt điều chỉnh danh mục) đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp

ỦY BAN NHÂN DÂN...

Căn cứ Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số...../2025/NĐ-CP ngày... tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện, đầu tư xây dựng dự án điện lực và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án kinh doanh điện lực;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan (Quy hoạch tỉnh; kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh);

Căn cứ.... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của... Sở Công Thương;

Căn cứ Tờ trình đề nghị phê duyệt danh mục/phê duyệt điều chỉnh danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp và hồ sơ kèm theo do …….. nộp ngày …….. và hồ sơ bổ sung nộp ngày ……..... (nếu có) của (Đơn vị điện lực/Nhà đầu tư);

Xét báo cáo thẩm định số…….. ngày…..tháng…..năm……..của Sở Công Thương; ý kiến của các đơn vị/cơ quan liên quan (nếu có).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục *(hoặc phê duyệt điều chỉnh danh mục)* đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp với các nội dung sau đây:

1. Danh mục dự án *(hoặc phê duyệt điều chỉnh danh mục)* bao gồm các thông tin: tên dự án, quy mô dự kiến (công suất, cấp điện áp, chiều dài,...), dự kiến (vốn đầu tư, nguồn vốn, tiến độ, khu vực cấp điện, nhu cầu sử dụng đất) theo phụ lục đính kèm.

2. Tên Đơn vị điện lực/nhà đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ,...):…….

3. Mục tiêu đầu tư:……...

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm Đơn vị điện lực/Nhà đầu tư:

2. Trách nhiệm của Sở Công Thương:

3. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan thuộc tỉnh (nếu có):

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Sở Công Thương và Đơn vị điện lực/Nhà đầu tư có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân ... chịu trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên Cổng Thông tin điện tử của .....

Nơi nhận:

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục

DANH MỤC (HOẶC ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC) ĐẦU TƯ LƯỚI ĐIỆN TRUNG ÁP, HẠ ÁP

TT	Tên dự án	Quy mô dự kiến	Sơ bộ vốn đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Dự kiến tiến độ thực hiện	Dự kiến khu vực cấp điện	Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (ha)
1							
2							